

KẾ HOẠCH

Điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh về Kế hoạch giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 cho UBND các xã, thị trấn và một số giải pháp thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023; Công văn số 489/UBND-TCKH ngày 27/4/2023 của UBND huyện về việc giao bổ sung chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh về Kế hoạch giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 cho UBND các xã, thị trấn và một số giải pháp thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND xã kỳ họp thứ 7 (khóa XIII) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Để có cơ sở chỉ đạo, điều hành, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã năm 2023; UBND xã Vĩnh Hảo xây dựng Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023, cụ thể như sau:

A. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Có phụ lục I chi tiết kèm theo)

B. KỊCH BẢN THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Tổng giá trị sản phẩm năm 2023 thực hiện 71.257 triệu đồng, trong đó: giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp và thủy sản 36.852 triệu đồng; giá trị sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 11.545 triệu đồng (*trong đó: Công nghiệp 1.945 triệu đồng; xây dựng 9.600 triệu đồng*); giá trị sản phẩm thương mại - dịch vụ 22.860 triệu đồng.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 51,71%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 16,2%; thương mại - dịch vụ chiếm 32,09%.

- Bình quân thu nhập đầu người: 48,9 triệu đồng/người/năm.

- Thu cân đối ngân sách trên địa bàn đạt 100% kế hoạch giao.

- Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm: 100 người (*trong đó xuất khẩu lao động 02 người*).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề: 45 người (*trong đó: Đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình MTQG 35 người; đào tạo, bồi dưỡng theo xã hội hóa: 10 người*).

- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội: 22, 84% (*trong đó: Bắt buộc 14,77%; tự nguyện 8,07%*).

- Duy trì kết quả trường đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học (*Mầm non, Tiểu học, THCS*) và kết quả đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn xã Vĩnh Hảo.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 6,22%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,9%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,89%, tỷ lệ hộ cận nghèo còn 1,63%.
- Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ổn định đạt 100%.
- Tỷ lệ hộ dân dùng điện sinh hoạt ổn định đạt 100%.
- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 100%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 84%.
- Phân đấu năm 2023 xã Vĩnh Hảo quyết tâm đạt chuẩn Nông thôn mới.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chỉ tiêu các lĩnh vực nông - lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng; thương mại - dịch vụ

1.1. Tổng giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp và thủy sản đạt 36.852 triệu đồng, chiếm 51,71%:

Phân công nhiệm vụ: Giao Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và Trưởng các thôn trong xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1.1.1. Trồng trọt: Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu như: Cây lúa 98 ha, năng suất ước đạt 66,9 tạ/ha, sản lượng 665,6 tấn (*diện tích lúa vụ Đông Xuân 46 ha, năng suất ước đạt 72,6 tạ/ha, sản lượng 333,8 tấn; vụ Hè Thu 48 ha, năng suất ước đạt 65 tạ/ha, sản lượng 312 tấn; vụ Mùa 04 ha, năng suất ước đạt 25.4 tạ/ha, sản lượng 10.2 tấn*); lạc 16 ha, năng suất 24 tạ/ha, sản lượng 38,4 tấn; đậu các loại 41,5 ha, năng suất 17,9 tạ/ha, sản lượng 74,3 tấn; ngô 16 ha, năng suất 45,5 tạ/ha, sản lượng 72,8 tấn; cây mỳ (*sắn*) 21 ha, năng suất ước đạt 285 tạ/ha, sản lượng 599,5 tấn; rau các loại 37 ha, năng suất 163,4 tạ/ha, sản lượng 604,6 tấn...

- *Cây lúa:* Đẩy mạnh chuyển giao, nhân rộng quy trình canh tác lúa tiên tiến, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn.

- *Cây ngô:* Diện tích 16 ha, năng suất 45,5 tạ/ha, sản lượng 72,8 tấn, trong đó vụ Đông Xuân 07 ha, năng suất ước đạt 45,5 tạ/ha, sản lượng 31,9 tấn; vụ Mùa 09 ha, năng suất ước đạt 45,5 tạ/ha, sản lượng 41 tấn. Đầu tư thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; phát triển mô hình trồng ngô sinh khối, ngô ngọt theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- *Cây lạc:* Diện tích 16 ha, năng suất ước đạt 24 tạ/ha, sản lượng 38,4 tấn. Sử dụng các giống cho năng suất cao như L14, HL25... Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng. Tiếp tục chuyển đổi đất sản xuất lúa,

sản...kém hiệu quả sang sản xuất lạc, ngô...; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu từ trồng, chăm sóc đến thu hoạch.

- *Cây mỳ (sắn)*: Diện tích 21 ha, năng suất ước đạt 285 tạ/ha, sản lượng 598,5 tấn. Sử dụng các loại giống cho năng suất cao, kháng bệnh như: KM49, KM140, KM98-1, HLS11... áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng.

- *Cây đậu các loại*: Diện tích 41,5 ha, năng suất ước đạt 17,9 tạ/ha, sản lượng 74,3 tấn, trong đó vụ Đông Xuân 23 ha, năng suất ước đạt 18,5 tạ/ha, sản lượng 42,6 tấn; vụ Hè Thu 18,5 ha, năng suất ước đạt 17 tạ/ha, sản lượng 31,5 tấn.

- *Rau các loại*: Diện tích 37 ha, năng suất ước đạt 163,4 tạ/ha, sản lượng 604,6 tấn. Tiếp tục thâm canh rau theo hướng sản xuất rau an toàn, đa dạng hoá các loại rau phù hợp với nhu cầu thị trường, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương. Tập trung chuyển giao các mô hình ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời đề ra những giải pháp liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp để đảm bảo tiêu thụ sản phẩm kịp thời cho người dân.

- *Cây ăn quả*: Tập trung phát triển các loại cây ăn quả phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương như: Cam, bưởi da xanh, dừa, xoài, chuối, mít, ổi...

1.1.2. *Chăn nuôi*: Tập trung phát triển đàn vật nuôi đảm bảo theo kế hoạch: Trâu 02 con, bò 2.112 con, lợn 1.799 con, gia cầm 11.553 con, cụ thể:

- *Đàn bò*: Phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng chất lượng cao, sử dụng giống bò Red Angus hoặc BBB; nâng cao chất lượng đàn bò sinh sản nhóm Zebu, Drought Master bằng phương pháp nâng cao tỷ lệ máu, tạo đàn cái lai làm nền cho lai tạo bò thịt chất lượng cao; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng bò thịt trong nông hộ, phát triển chăn nuôi theo hình thức gia trại, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển chăn nuôi bò gắn với liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 380,2 tấn (*tương ứng 1.027 con*).

- *Đàn lợn*: Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sử dụng giống lợn cao sản như Landrace, Duroc, Yorkshire. Tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phân đấu đến cuối năm duy trì tổng đàn 1.799 con. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 480,8 tấn (*tương ứng 5.342 con*).

- *Đàn gia cầm*: Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh để tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm thịt, trứng có chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm. Phân đấu đến cuối năm duy trì tổng đàn đạt 11.553 con; sản lượng thịt gia cầm xuất bán 20,5 tấn (*tương ứng 13.666 con*).

1.1.3. *Thủy sản*: Tiếp tục duy trì diện tích nuôi cá ao, hồ, lồng bè 7,55 ha; tổng sản lượng thủy sản 758,48 tấn (*trong đó: Khai thác 18,7 tấn, nuôi trồng 739,78 tấn*), cụ thể: Phát triển ngành nuôi thủy sản theo hướng nuôi tập trung thâm canh, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nuôi cá lồng bè; đối với hộ quy mô nhỏ thì áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ, phối hợp nuôi lồng bè, ao hồ tập trung và luân canh, xen canh. Xây dựng, phát triển bền vững chuỗi liên kết nuôi trồng, thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm

thủy sản (*lông bè*). Tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

1.1.4. Lâm nghiệp: Tiếp tục quy hoạch, triển khai rừng trồng gỗ lớn và Chương trình 1 tỷ cây xanh; triển khai thí điểm các chuỗi liên kết sản xuất rừng trồng gỗ lớn, trồng cây dược liệu. Phân đầu đến cuối năm trồng rừng tập trung 5,5 ha; sản lượng khai thác gỗ 3.850 tấn.

2.2. Tổng giá trị sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt 11.545 triệu đồng, chiếm 16,2%:

Phân công nhiệm vụ: Giao Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường xã tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và Trưởng các thôn trong xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp; triển khai các giải pháp quản lý cụ thể, hiệu quả, đưa công tác quản lý trật tự xây dựng đi vào nề nếp. Xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trên lĩnh vực xây dựng, trật tự xây dựng theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các thôn xác định rõ ràng định hướng quy hoạch phù hợp. Phương án quy hoạch cần đồng bộ, mang tính thẩm mỹ, xác định cụ thể diện tích xây dựng công trình, hình thức kiến trúc, hệ thống tường rào, cổng, vỉa hè, bậc cấp, công trình hạ tầng kỹ thuật, cây xanh... Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với nguồn lực của địa phương; ưu tiên đầu tư các công trình bảo vệ môi trường như: Thu gom, xử lý rác thải; quản lý, xử lý nước thải khu dân cư tập trung... và các công trình thiết yếu phục vụ người dân.

2.3. Tổng giá trị sản phẩm thương mại - dịch vụ đạt 22.860.000.000 đồng, chiếm 32,09%:

- Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm OCOP và các sản phẩm có nguồn gốc, xuất xứ của địa phương... ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và số hóa dữ liệu trong hoạt động kinh doanh. Từng bước xây dựng hệ thống quản lý và phát triển các nhãn hiệu địa phương đã được cấp giấy chứng nhận. Tiếp tục đăng ký kế hoạch sản phẩm OCOP như: Chả cá thác lát.

- Xây dựng phương án đổi mới mô hình quản lý và khai thác kinh doanh chợ Vĩnh Hảo. Đề xuất bổ sung quy hoạch mạng lưới Chợ, Trung tâm thương mại trên địa bàn xã.

- Phát triển kênh phân phối thương mại điện tử, dần dịch chuyển từ mua hàng truyền thống sang hình thức mua hàng online thông qua phương tiện điện tử, giúp cho các cá nhân, doanh nghiệp dễ dàng hơn khi giới thiệu và giao sản phẩm của mình đến tay khách hàng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. Chỉ tiêu thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn xã

2.1. Chỉ tiêu thực hiện:

- Tổng thu ngân sách xã năm 2023: 5.171.000.000 đồng

- + Trong đó: Thu cân đối ngân sách trên địa bàn 50.000.000 đồng.

- Tổng chi ngân sách xã năm 2023: 5.171.000.000 đồng

2.2. Giải pháp thực hiện: Giao Tài chính - Kế toán xã tham mưu UBND xã xây dựng kế hoạch thu cụ thể theo từng tháng, quý; bám sát, rà soát từng chỉ tiêu thu ngân sách theo kế hoạch đã đề ra *(có phụ lục II chi tiết kèm theo)*.

3. Chỉ tiêu giải quyết việc làm mới

3.1. Giải quyết việc làm mới cho 100 lao động:

3.2. Giải pháp thực hiện: Giao Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND xã thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH tăng cường hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm cho người lao động; xây dựng kế hoạch cho vay giải quyết việc làm lao động, xuất khẩu lao động.

- Tăng cường triển khai thực hiện Quyết định số 85/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ người lao động tỉnh Bình Định đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động; tham gia các Phiên giao dịch việc làm để tuyên truyền, tư vấn, tạo nguồn cho công tác xuất khẩu lao động.

4. Chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề

4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề: 45 người *(trong đó: Đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình MTQG 35 người; đào tạo, bồi dưỡng theo xã hội hóa: 10 người)*

4.2. Giải pháp thực hiện: Giao Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành, hội đoàn thể có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia học nghề nhằm đảm bảo chương trình đào tạo nghề cho lao động có hiệu quả cao. Đồng thời tiến hành rà soát, xác định nhu cầu của người học gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn đào tạo nghề cho lao động nông thôn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm tại chỗ.

5. Chỉ tiêu tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 98,9%, bảo hiểm xã hội: 22,84%.

5.2. Giải pháp thực hiện: Giao Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế xã và các ngành liên quan thực hiện:

5.2.1. Công tác phát triển bảo hiểm xã hội:

- Đối với loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc: Tiếp tục rà soát các doanh nghiệp đang hoạt động chưa đăng ký tham gia hiện có sử dụng lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, tích cực tuyên truyền, vận động đơn vị đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đối với loại hình bảo hiểm xã hội tự nguyện:

+ Tuyên truyền, vận động nhóm người lao động có thu nhập ổn định như hộ kinh doanh cá thể, hộ buôn bán nhỏ lẻ, hộ tiểu thương... để tích cực tham gia.

+ Phối hợp với Tổ dịch vụ thu Bưu điện huyện và Ban Chỉ đạo xã thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, vận động người

dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại các thôn để người dân biết chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện và tích cực hưởng ứng tham gia.

+ Vận động số cán bộ hoạt động không chuyên trách các thôn đang hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước gương mẫu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để đảm bảo công tác an sinh xã hội của địa phương và góp phần nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội.

5.2.2. Công tác phát triển bảo hiểm y tế:

- Tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với Tài chính - Kế toán xã rà soát các nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời, đảm bảo quyền lợi người tham gia và nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý đối tượng, các đại lý thu tích cực vận động các nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng như: Học sinh, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình đăng ký tham gia. Bên cạnh đó, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức từ thiện để hỗ trợ một phần kinh phí còn lại đảm bảo cho các đối tượng thuộc nhóm này tham gia bảo hiểm y tế.

6. Chỉ tiêu về Giáo dục - Đào tạo

6.1. Tiếp tục duy trì tỷ lệ trường học các cấp (*Mầm non, Tiểu học, THCS Vĩnh Hảo*) đạt chuẩn Quốc gia và đạt chuẩn về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn:

6.2. Giải pháp thực hiện: Giao Ban Chỉ đạo xã chủ trì, phối hợp với Ban giám hiệu các trường trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu Đảng ủy, UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng, duy trì các trường trên địa bàn xã đạt chuẩn Quốc gia và đạt chuẩn công tác công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD, XMC, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để nắm bắt tình hình, phối hợp với các trường tháo gỡ những khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác phối hợp với Mặt trận và các hội đoàn thể xã trong việc tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh đưa con em trong độ tuổi đến trường đạt 100%.

7. Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng

7.1. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 6,22%.

7.2. Giải pháp thực hiện: Giao Trạm Y tế xã tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về dinh dưỡng, cụ thể:

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng tại cộng đồng; tư vấn và hướng dẫn về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi.

- Tăng cường các hoạt động can thiệp để phục hồi và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, ưu tiên các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã giai đoạn 2021 - 2025.

- củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác y tế, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách và y tế thôn.

- Tăng cường vận động, bố trí ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác cho công tác phòng chống suy dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, cung cấp thông tin về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

8. Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

8.1. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới: Giảm dưới 9,89%.

8.2. Giải pháp thực hiện: Giao Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch năm 2023, triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp từ các Chương trình MTQG như: Tín dụng ưu đãi cho người nghèo, cận nghèo; hỗ trợ chăm sóc y tế; hỗ trợ giáo dục đào tạo; hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; trợ giúp pháp lý cho người nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển mô hình giảm nghèo; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của Nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ giảm nghèo, động viên hộ nghèo tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo, khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự trợ giúp của Nhà nước và cộng đồng.

- Xác định các nguyên nhân dẫn đến nghèo, cận nghèo (*thiếu đất sản xuất, thiếu vốn sản xuất kinh doanh, thiếu kiến thức sản xuất, thiếu kỹ năng sản xuất, thiếu lao động*); xác định các chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (*bảo hiểm y tế, giáo dục, nước sạch vệ sinh, thông tin, nhà ở...*), đề xuất UBND xã chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp với các hội, đoàn thể và các thôn triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp.

9. Chỉ tiêu duy trì tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh

9.1. Duy trì tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 100%.

9.2. Giải pháp thực hiện: Giao Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường xã tham mưu UBND xã thực hiện, cụ thể:

Duy trì tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100% bằng các hình thức vận động, tuyên truyền bà con Nhân dân sử dụng nước từ công trình cấp nước nhỏ lẻ như: Giếng đào hoặc giếng khoan, hạn chế sử dụng nguồn nước từ sông, suối...

10. Chỉ tiêu duy trì tỷ lệ hộ dân dùng điện sinh hoạt

10.1. Phần đầu duy trì tỷ lệ hộ dân dùng điện sinh hoạt 100%.

10.2. Giải pháp thực hiện: Giao Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường xã tham mưu UBND xã phối hợp với các ngành liên quan tuyên truyền, vận động người dân tiếp tục thực hiện và duy trì tỷ lệ dùng điện sinh hoạt trên địa bàn xã bằng nhiều hình thức phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tiếp tục nâng tỷ lệ sử dụng điện năng lượng mặt trời.

11. Chỉ tiêu tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa

11.1. Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 100%.

11.2. Giải pháp thực hiện: Giao Văn hóa - Xã hội tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các thôn thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Nhân dân, vận động toàn xã hội quan tâm xây dựng đời sống văn hoá, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Thực hiện tốt 5 tiêu chí (*34 nội dung*), không để xảy ra khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; điểm, tụ điểm ma túy, mại dâm; hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật.

- Chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai, thực hiện chất lượng các chỉ tiêu kế hoạch giao đầu năm. Các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, phân công thành viên Ban Chỉ đạo cấp xã đánh giá nâng cao chất lượng gia đình văn hoá, khu dân cư và chất lượng xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng tự tử, tảo hôn, vi phạm Luật Lâm nghiệp; tích cực tham gia các phong trào của địa phương nơi cư trú.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

12. Chỉ tiêu tỷ lệ độ che phủ rừng

12.1. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 84%.

12.2. Giải pháp thực hiện: Giao cán bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp xã tham mưu UBND xã chủ trì, phối hợp kiểm lâm phụ trách địa bàn, Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Vĩnh Thạnh thường xuyên kiểm tra, rà soát và thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, trồng, chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng nhằm phát triển rừng trên diện tích giao quản lý. Phấn đấu tăng độ che phủ rừng năm 2023 đạt 84%.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban, ngành của xã có liên quan, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn và Trường các thôn trong xã căn cứ nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện; đồng thời báo cáo tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện cho UBND xã (*qua Văn phòng - Thống kê xã*) để tổng hợp, báo theo định kỳ tháng, quý, năm.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt kịp thời tình hình để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam xã và các hội, đoàn thể xã phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động hội viên tự chủ, phát huy nội lực để thực hiện thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Trên đây là Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 của UBND xã Vĩnh Hảo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- Các phòng, ban ngành của huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các ban, ngành, hội đoàn thể xã;
- Ban Giám hiệu các trường trên địa bàn;
- Trạm Y tế xã;
- HTX NN KD-DV Định Thành;
- Trưởng các thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Tiến